TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Tân

Bà Nguyễn Thị Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị L – sinh năm 1969 (vắng mặt)
ĐKTT: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Trung N – sinh năm 1992; ĐKTT: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2022). (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Mộng N1 – sinh năm 1967 (vắng mặt)
ĐKTT: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị L do ông Trần Trung N đại diện trình bày:

Ngày 01/10/2012, bà Đoàn Thị Mộng N1 vay của bà Vũ Thị L số tiền 200.000.000 đồng. Bà N1 thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay, bà N1 sẽ trả nợ tiền vay cho bà L. Lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, lãi trả hàng tháng. Bà N1 tự tay viết giấy mượn tiền, ký tên và giao cho bà L giữ giấy. Đồng thời, bà N1 đưa cho bà L giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 903076 của thửa đất số 164 tờ bản đồ số 08 xã Xuân Trường do bà N1 đứng tên quyền sử dụng đất để làm tin, khi nào bà N1 trả tiền cho bà L thì bà L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1. Sau khi vay tiền, bà N1 không trả lãi cho bà L như thỏa thuận, đến hạn trả nợ là ngày 01/10/2013, bà N1 cũng không trả tiền vay gốc cho bà L. Qua năm 2014, 2015, 2016 bà N1 đưa cho bà L mỗi năm 01 lần tiền lãi 8.000.000 đồng; năm 2017 và 2018 thì mỗi năm bà N1 đưa bà L tiền lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng là 44.000.000 đồng. Từ năm 2019 đến nay, bà N1 không trả lãi và cũng không trả gốc cho bà L khoản tiền vay này. Đến ngày 26/7/2019, bà N1 gặp bà L năn nỉ bà L vay tạm thêm số tiền 20.000.000 đồng để có vốn làm ăn mới có tiền trả nợ cho bà L, nên bà L tiếp tục cho bà N1 vay thêm 20.000.000 đồng. Bà N1 hứa với bà L mượn tạm thời hạn 06 tháng, đến ngày 26/02/2020 bà N1 sẽ trả nợ cho bà L. Khoản vay này bà N1 có trả cho bà L được 1.000.000 đồng tiền lãi, từ đó đến nay thì không trả lãi cũng không trả gốc.

Nay, bà L yêu cầu bà Đoàn Thị Mộng N1 phải thanh toán cho bà L số tiền vay gốc là 220.000.000 đồng. Về tiền lãi, bà L đã nhận của bà N1 tổng cộng là 45.000.000 đồng, nay bà L không yêu cầu tính thêm tiền lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án, xem như bà L cho bà N1 một phần tiền lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đoàn Thị Mộng N1 đều vắng mặt không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án và cũng vắng mặt không tham gia phiên tòa xét xử xụ án, nên Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của bà Đoàn Thị Mộng N1. Bà N1 cũng không cung cấp chứng cứ hay trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L. Buộc bà Đoàn Thị Mộng N1 phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền vay gốc 220.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề

nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Đoàn Thị Mộng N1 không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nên phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Vũ Thị L cung cấp chứng cứ là 02 Giấy mượn tiền, người mượn tiền ký, ghi họ tên là Đoàn Thị Mộng N. Một tờ Giấy mượn tiền ghi nội dung: "*Tôi tên là: Đoàn Thị Mộng N1 cư ngụ tại ấp Trung Tín - Xuân Trường – Xuân Lộc – Đồng Nai. Tôi có mượn của chị với số tiền là 200.000.000 đ 'hai trăm triệu đồng". Vậy tôi sẽ trả cho chị Vũ Thị L theo như lời tôi đã hứa – tôi sẽ trả đủ cho chị Vũ Thị L – 1/10- 2012*"; Một tờ Giấy mượn tiền ghi nội dung: "*Tôi tên: Đoàn Thị Mộng N1 có mượn của chị Vũ Thị L với số tiền là 20.000.000 hai mươi triệu đồng tiền Việt Nam – trong vòng sáu tháng tôi sẽ trả đủ số tiền này – từ ngày tôi mượn là ngày 26-7-2019 tới ngày 26-2-2020 Dương lịch – tôi sẽ hoàn tất số tiền này cho chị Vũ Thị L*."

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Đoàn Thị Mộng N1 đều cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Bà N1 cũng không cung cấp chứng cứ hay trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử công nhận lời trình bày và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đoàn Thị Mộng N1 phải thanh toán cho bà Vũ Thị L số tiền vay gốc là 220.000.000 đồng.

[3] Bà N1 có đưa cho bà L giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 903076 do bà N1 đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 164 tờ bản đồ số 08 xã Xuân Trường để làm tin trong giao dịch vay tiền. Nay, Hội đồng xét xử buộc bà N1 thanh toán tiền vay cho bà L, nên bà L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà N1 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Đoàn Thị Mộng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà Vũ Thị L là 11.000.000 đồng (220.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Đoàn Thị Mộng N1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị

L số tiền 220.000.000 đồng (*hai trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án trả tiền thì người có nghĩa vụ thi hành án trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Bà Vũ Thị L phải trả cho bà Đoàn Thị Mộng N1 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành R 903076 do bà Đoàn Thị Mộng N1 đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 08 xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Bà Đoàn Thị Mộng N1 phải nộp 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng*(năm triệu năm trăm đồng)* theo Biên lai thu số 0006661 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nguyệt